CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

# BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 422-V01/TPP-CTY/2026

## I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh,Việt Nam

Điện thoại: (028) 38609003 Fax : (028) 38607622

E-mail: info@tanphuvietnam.vn Mã số doanh nghiệp: 0303640880

## II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **CHẢO CHỐNG DÍNH KURO DAILY**
2. Thành phần:
   - Bộ phận chứa đựng, tiếp xúc thực phẩm:
     + Lòng chảo: Nhôm phủ 2 lớp chống dính ceramic, Inox 304.
   - Bộ phận không tiếp xúc thực phẩm
     + Tay cầm, Nhựa bakelite, Nhôm, Inox 201.
     + Đáy chảo: Inox 410.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Không áp dụng
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
   - Chảo chống dính Kuro Daily 20 cm (820 ml) được quấn đai giấy quanh thân; đóng gói 8 cái/ thùng carton.
   - Chảo chống dính Kuro Daily 26 cm (1,9 L) được quấn đai giấy quanh thân; đóng gói 6 cái/ thùng carton.

   Hoặc đóng gói theo quy cách yêu cầu của khách hàng.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:
   - Chịu trách nhiệm về hàng hóa bởi: Công Ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam

     Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
   - Sản xuất tại: NINGBO GREAD KITCHENWARE CO., LTD

     Địa chỉ: No 288 Cidong North Road, Binhai Industrial Park, Cixi, Ningbo City, Zhejiang Province, China (Trung Quốc)

## III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

## IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 12-3:2011/BYT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm".

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 09 năm 2026*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

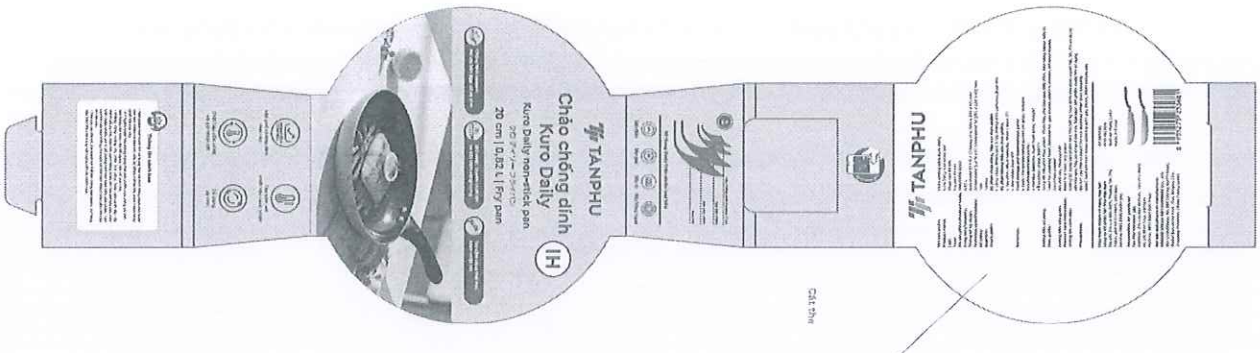
*(Ký tên, đóng dấu)*

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM

Ngô Đức Trung

PHÓ CHỦ TỊCH ĐIỀU HÀNH

# MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN




| | |
|---|---|
| **Tên sản phẩm:** | **Chảo chống dính Kuro Daily** |
| **Product name:** | Kuro Daily non-stick pan |
| **Loại:** | **Chảo rán 20 cm** |
| **Type:** | Fry pan 20 cm |
| **Mã sản phẩm/Product code:** | HNK.CRCD.KD20 |
| **Dung tích/Capacity:** | 0,82 L |
| **Thông số kỹ thuật:** | Kích thước (D x R x C) tương ứng (350 x 200 x 40) mm |
| **Technical specifications:** | Dimensions (L x W x H) correspond to (350 x 200 x 40) mm |
| **Số lượng:** | 1 cái |
| **Quantity:** | 1 piece |
| **Thành phần:** | **Bộ phận chứa đựng, tiếp xúc thực phẩm:**<br>+ Lòng chảo: Nhôm phủ 2 lớp chống dính ceramic, Inox 304<br>**Bộ phận không tiếp xúc thực phẩm:**<br>+ Tay cầm: Nhựa bakelite, Nhôm, Inox 201<br>+ Đáy chảo: Inox 410 |
| **Materials:** | **Food storage and food-contact parts:**<br>+ Body: Ceramic-coated aluminum alloy, SUS304<br>**Non-food-contact parts:**<br>+ Handle: Bakelite, Aluminum alloy, SUS201<br>+ Induction plate: SUS410 |
| **Hướng dẫn sử dụng:** | Dùng để nấu chín thực phẩm. Thích hợp cho bếp gas, bếp điện, bếp hồng ngoại, bếp từ |
| **User guide:** | Used for cooking food. Suitable for gas stoves, electric stoves, infrared stoves, induction cooker |
| **Hướng dẫn bảo quản:** | Nơi khô ráo, thoáng mát |
| **Product care instruction:** | Keep in a cool, dry place |
| **Thông tin cảnh báo:** | Không sử dụng sản phẩm này cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài nấu ăn. Khi sử dụng với bếp gas, hãy sử dụng ở lửa vừa. Rửa sạch sản phẩm trước khi sử dụng |
| **Precautions:** | Do not use this product for any purpose other than cooking.<br>Used medium heat when cooking with gas stove. Wash before use |

**Chịu trách nhiệm về hàng hóa bởi:**
**Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam**
Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Hotline: 1800 8365 (miễn phí)

**Responsible for goods by:**
**Tan Phu Vietnam JSC**
Address: 314 Luy Ban Bich St., Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam
Hotline: 1800 8365 (toll free)

**Nơi sản xuất/Place of manufacture:**
**NINGBO GREAD KITCHENWARE CO., LTD**
Địa chỉ/Address: No 288 Cidong North Road,
Binhai Industrial Park, Cixi, Ningbo City,
Zhejiang Province, China (Trung Quốc)

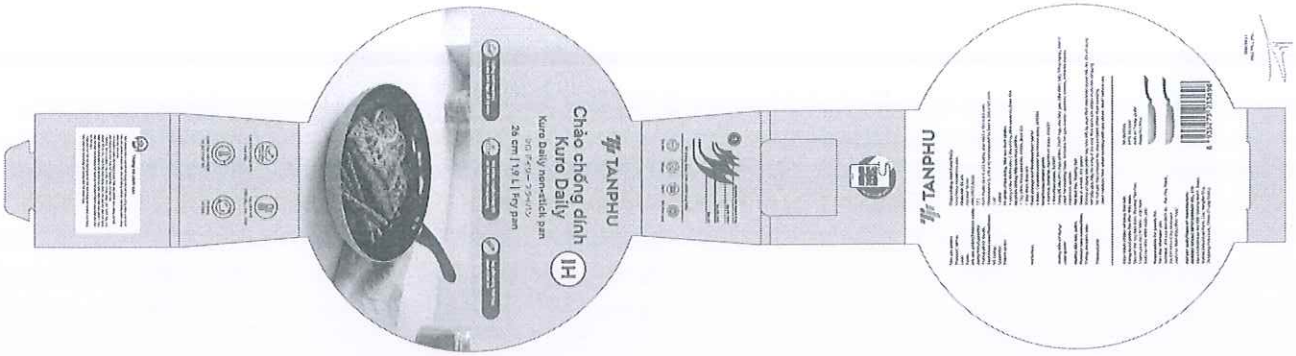
SX 08/2026
MFG 08/2026
Xuất xứ Trung Quốc
Made in China



8 935275 233681

Bản tự công bố này được đăng tải tại website: www.tanphuvietnam.vn

# MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN



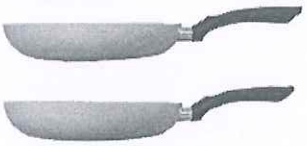

| | |
|---|---|
| **Tên sản phẩm:** | **Chảo chống dính Kuro Daily** |
| **Product name:** | Kuro Daily non-stick pan |
| **Loại:** | **Chảo rán 26 cm** |
| **Type:** | Fry pan 26 cm |
| **Mã sản phẩm/Product code:** | HNK.CRCD.KD26 |
| **Dung tích/Capacity:** | 1,9 L |
| **Thông số kỹ thuật:** | Kích thước (D x R x C) tương ứng (440 x 260 x 50) mm |
| **Technical specifications:** | Dimensions (L x W x H) correspond to (440 x 260 x 50) mm |
| **Số lượng:** | 1 cái |
| **Quantity:** | 1 piece |
| **Thành phần:** | **Bộ phận chứa đựng, tiếp xúc thực phẩm:**<br>+ Lòng chảo: Nhôm phủ 2 lớp chống dính ceramic, Inox 304<br>**Bộ phận không tiếp xúc thực phẩm:**<br>+ Tay cầm: Nhựa bakelite, Nhôm, Inox 201<br>+ Đáy chảo: Inox 410 |
| **Materials:** | **Food storage and food-contact parts:**<br>+ Body: Ceramic-coated aluminum alloy, SUS304<br>**Non-food-contact parts:**<br>+ Handle: Bakelite, Aluminum alloy, SUS201<br>+ Induction plate: SUS410 |
| **Hướng dẫn sử dụng:** | Dùng để nấu chín thực phẩm. Thích hợp cho bếp gas, bếp điện, bếp hồng ngoại, bếp từ |
| **User guide:** | Used for cooking food. Suitable for gas stoves, electric stoves, infrared stoves, induction cooker |
| **Hướng dẫn bảo quản:** | Nơi khô ráo, thoáng mát |
| **Product care instruction:** | Keep in a cool, dry place |
| **Thông tin cảnh báo:** | Không sử dụng sản phẩm này cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài nấu ăn. Khi sử dụng với bếp gas, hãy sử dụng ở lửa vừa. Rửa sạch sản phẩm trước khi sử dụng |
| **Precautions:** | Do not use this product for any purpose other than cooking.<br>Used medium heat when cooking with gas stove. Wash before use |

**Chịu trách nhiệm về hàng hóa bởi:**
**Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam**
Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Hotline: 1800 8365 (miễn phí)

**Responsible for goods by:**
**Tan Phu Vietnam JSC**
Address: 314 Luy Ban Bich St., Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam
Hotline: 1800 8365 (toll free)

**Nơi sản xuất/Place of manufacture:**
**NINGBO GREAD KITCHENWARE CO., LTD**
Địa chỉ/Address: No 288 Cidong North Road,
Binhai Industrial Park, Cixi, Ningbo City,
Zhejiang Province, China (Trung Quốc)

SX 08/2026
MFG 08/2026
Xuất xứ Trung Quốc
Made in China



8 935275 233698

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ⊙ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam ⊙ C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam ⊙ 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

| Q326A102256 (HDTN26010044.01) | **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT* | 11/09/2026 Trang/ *Page:* 1/7 |
|---|---|---|

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **CHẢO CHỐNG DÍNH KURO DAILY**
2. Mô tả mẫu / *Description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
   - Xem hình kèm theo / *See attached image.*
3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01
4. Ngày nhận mẫu / *Date of receipt* : 18/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 18/08/2026 - 08/09/2026
6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM**
   **314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
7. Kết quả thử nghiệm / *Testing result (s)* : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

**KT. GIÁM ĐỐC / *FOR DIRECTOR***

| **PHỤ TRÁCH PTN HÀNG TIÊU DÙNG** *HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB.* | **PHÓ GIÁM ĐỐC** *VICE DIRECTOR* |
|---|---|
| **Tiêu Trọng Minh Luân** | **Phan Thành Trung** |

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
*Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.*

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ⊙ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam ⊙ C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam ⊙ 49 Pasteur, Ben Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A102256
(HDTN26010044.01)

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
## TEST REPORT

11/09/2026



| STT *No.* | Tên chỉ tiêu *Characteristic* | Đơn vị tính *Unit* | Phương pháp thử *Test method* | Kết quả thử nghiệm *Test Result* | Giới hạn phát hiện *Limit of Detection* | Mức chất lượng *Quality Level* |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **A - CHẢO** | | | | | | |
| 7.1 | Định tính vật liệu bằng phương pháp phổ hồng ngoại(mặt tiếp xúc với thực phẩm) *Qualitative analysis of material by infrared spectroscopy method (contact with foodstuff)* | - | ASTM E 1252 – 98 (2021) | Polyalkyl siloxane | - | - - |
| 7.2 | Hàm lượng arsen trong nước sau 30 phút ở 95 °C *Arsenic content in water after 30 min at 95 °C,* | µg/mL | QCVN 12-3:2011/BYT | KPH | 0,02 | ≤ 0,2 |
| 7.3 | Hàm lượng arsen trong axit xitric 0,5 % (w/v) sau 30 phút ở 60 °C *Arsenic content in 0,5 % citric acid (w/v) after 30 min at 60 °C,* | µg/mL | QCVN 12-3:2011/BYT | KPH | 0,02 | ≤ 0,2 |
| 7.4 | Hàm lượng cadimi trong nước sau 30 phút ở 95 °C *Cadmium content in water after 30 min at 95 °C,* | µg/mL | QCVN 12-3:2011/BYT | KPH | 0,02 | ≤ 0,1 |
| 7.5 | Hàm lượng cadimi trong axit xitric 0,5 % (w/v) sau 30 phút ở 60 °C *Cadmium content in 0,5 % citric acid (w/v) after 30 min at 60 °C,* | µg/mL | QCVN 12-3:2011/BYT | KPH | 0,02 | ≤ 0,1 |
| 7.6 | Hàm lượng chì trong nước sau 30 phút ở 95 °C *Lead content in water after 30 min at 95 °C,* | µg/mL | QCVN 12-3:2011/BYT | KPH | 0,02 | ≤ 0,4 |

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
*Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.*

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A102256
(HDTN26010044.01)

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
## TEST REPORT

11/09/2026



| STT *No.* | Tên chỉ tiêu *Characteristic* | Đơn vị tính *Unit* | Phương pháp thử *Test method* | Kết quả thử nghiệm *Test Result* | Giới hạn phát hiện *Limit of Detection* | Mức chất lượng *Quality Level* |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 7.7 | Hàm lượng chì trong axit xitric 0,5 % (w/v) sau 30 phút ở 60 °C<br>*Lead content in 0,5 % citric acid (w/v) after 30 min at 60 °C,* | µg/mL | QCVN 12-3:2011/BYT | KPH | 0,02 | ≤ 0,4 |
| 7.8 | Hàm lượng phenol trong nước cất sau 30 phút ở 95 °C<br>*Phenol content in distilled water after 30 min at 95 °C ,* | µg/mL | QCVN 12-3:2011/BYT | < 5 | - | ≤ 5 |
| 7.9 | Thử formaldehyde trong nước cất sau 30 phút ở 95 °C<br>*Formaldehyde test in water after 30 min at 95 °C* | - | QCVN 12-3:2011/BYT | Âm tính | - | Âm tính |
| 7.10 | Hàm lượng cặn khô trong nước ở 95 °C, 30 phút<br>*Evaporation residue in water at 95 °C, for 30 min* | µg/mL | QCVN 12-3:2011/BYT | KPH | 5 | ≤ 30 |
| 7.11 | Hàm lượng cặn khô trong ethanol 20 % (v/v) ở 60 °C,30 phút<br>*Evaporation residue in ethanol 20% (v/v) at 60 °C, for 30 min* | µg/mL | QCVN 12-3:2011/BYT | KPH | 5 | ≤ 30 |
| 7.12 | Hàm lượng cặn khô trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 95 °C<br>*Evaporation residue in 4% acetic acid (v/v) at 95 °C, for 30 min* | µg/mL | QCVN 12-3:2011/BYT | KPH | 5 | ≤ 30 |

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
*Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.*

Q326A102256
(HDTN26010044.01)

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
## TEST REPORT

11/09/2026



| STT *No.* | Tên chỉ tiêu *Characteristic* | Đơn vị tính *Unit* | Phương pháp thử *Test method* | Kết quả thử nghiệm *Test Result* | Giới hạn phát hiện *Limit of Detection* | Mức chất lượng *Quality Level* |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 7.13 | Hàm lượng cặn khô trong heptan sau 60 phút ở 25 °C *Evaporation residue in heptane at 25 °C, for 60 min* | µg/mL | QCVN 12-3:2011/BYT | KPH | 5 | ≤ 30 |
| 7.14 | Hàm lượng epichlorohydrin trong pentane sau 120 phút ở 25 °C *Epichlorohydrin content in pentane after 120 min at 25 °C,* | µg/mL | QCVN 12-3:2011/BYT | KPH | 0,1 | ≤ 0,5 |
| 7.15 | Hàm lượng vinylchloride trong ethanol sau 24 giờ ở 5 °C *Vinylchloride content in ethanol after 24 h at 5 °C,* | µg/mL | QCVN 12-3:2011/BYT | KPH | 0,025 | ≤ 0,05 |
| **B - ỐC VÍT** | | | | | | |
| 7.1 | Hàm lượng arsen trong nước sau 30 phút ở 95 °C *Arsenic content in water after 30 min at 95 °C,* | µg/mL | QCVN 12-3:2011/BYT | KPH | 0,02 | ≤ 0,2 |
| 7.2 | Hàm lượng arsen trong axit xitric 0,5 % (w/v) sau 30 phút ở 60 °C *Arsenic content in 0,5 % citric acid (w/v) after 30 min at 60 °C,* | µg/mL | QCVN 12-3:2011/BYT | KPH | 0,02 | ≤ 0,2 |
| 7.3 | Hàm lượng cadimi trong nước sau 30 phút ở 95 °C *Cadmium content in water after 30 min at 95 °C,* | µg/mL | QCVN 12-3:2011/BYT | KPH | 0,02 | ≤ 0,1 |

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
*Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.*

Q326A102256
(HDTN26010044.01)

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
# TEST REPORT

11/09/2026



| STT *No.* | Tên chỉ tiêu *Characteristic* | Đơn vị tính *Unit* | Phương pháp thử *Test method* | Kết quả thử nghiệm *Test Result* | Giới hạn phát hiện *Limit of Detection* | Mức chất lượng *Quality Level* |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 7.4 | Hàm lượng cadimi trong axit xitric 0,5 % (w/v) sau 30 phút ở 60 °C *Cadmium content in 0,5 % citric acid (w/v) after 30 min at 60 °C,* | µg/mL | QCVN 12-3:2011/BYT | KPH | 0,02 | ≤ 0,1 |
| 7.5 | Hàm lượng chì trong nước sau 30 phút ở 95 °C *Lead content in water after 30 min at 95 °C,* | µg/mL | QCVN 12-3:2011/BYT | KPH | 0,02 | ≤ 0,4 |
| 7.6 | Hàm lượng chì trong axit xitric 0,5 % (w/v) sau 30 phút ở 60 °C *Lead content in 0,5 % citric acid (w/v) after 30 min at 60 °C,* | µg/mL | QCVN 12-3:2011/BYT | KPH | 0,02 | ≤ 0,4 |

**Diễn giải kết quả/ *Interpretation of results*:**

A- CHẢO

- Phiếu kết quả thử nghiệm trên đây ghi nhận kết quả thử nghiệm của 15 trên tổng số 15 chỉ tiêu theo quy định của QCVN 12-3 : 2011/BYT . Mẫu có kết quả thử nghiệm ở tất cả các chỉ tiêu nêu tại mục 7 của PKQTN đều phù hợp với mức qui định của QCVN 12-3 : 2011/BYT./ *This testing reports recorded testing results of 15 per 15 test items as regulated in QCVN 12-3 : 2011/BYT . Sample has all testing results indicated on section No 7 of testing reports are conformed to limits specified in QCVN 12-3 : 2011/BYT .*

B- ỐC VÍT

- Phiếu kết quả thử nghiệm trên đây ghi nhận kết quả thử nghiệm của 06 trên tổng số 06 chỉ tiêu theo quy định của QCVN 12-3 : 2011/BYT (mẫu không có lớp phủ nhựa tổng hợp). Mẫu có kết quả thử nghiệm ở tất cả các chỉ tiêu nêu tại mục 7 của PKQTN đều phù hợp với mức qui định của QCVN 12-3 : 2011/BYT./ *This testing reports recorded testing results of 06 per 06 test items as regulated in QCVN 12-3 : 2011/BYT (sample without plastic coating). Sample has all testing results indicated on section No 7 of testing reports are conformed to limits specified in QCVN 12-3 : 2011/BYT.*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
*Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.*

Q326A102256
(HDTN26010044.01)

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
# TEST REPORT

11/09/2026



**Ghi chú / *Note*:**

- Kết quả CHẢO so sánh với mức chất lượng: Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-3 : 2011/BYT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm" / *Results of CHẢO compared with quality levels: According to Technical specification of QCVN 12-3 : 2011/BYT "National technical regulation on safety and hygiene for metalic containers in direct contact with foods".*

- Kết quả ỐC VÍT so sánh với mức chất lượng: Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-3 : 2011/BYT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm" (mẫu không có lớp phủ nhựa tổng hợp) / *Results of ỐC VÍT compared with quality levels: Results compared with quality levels: According to Technical specification of QCVN 12-3 : 2011/BYT "National technical regulation on safety and hygiene for metalic containers in direct contact with foods" (sample without plastic coating)*

- ASTM: American Society for Testing and Materials

- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / *National Technical Regulation*

- KPH: Không phát hiện / *Not detected*

- Trong báo cáo này, thực hiện nhận xét phù hợp/không phù hợp của kết quả thử nghiệm mẫu với các yêu cầu kỹ thuật, dựa trên yêu cầu của khách hàng và quy tắc ra quyết định (tham khảo theo ILAC_G8_09_2019) với dải bảo vệ w = 0./ *In this report, conformity/non-conformity of the test results with the technical requirements is evaluated based on the customer's requirements and the decision rule (referencing ILAC_G8_09_2019) with a guard band of w = 0.*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
*Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.*

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ⊙ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam ⊙ C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam ⊙ 1176 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A102256
(HDTN26010044.01)

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
# TEST REPORT

11/09/2026





1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
   *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
   *The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
   *This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
   *Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.*

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
**TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3**
**QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3**
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

| Q326A102256 (HDTN26010044.02) | **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT* | 11/09/2026 Trang/ *Page:* 1/3 |
|---|---|---|

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **TÚI ĐỰNG THỰC PHẨM MORI-SHINSEN**
2. Mô tả mẫu / *Description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
   - Xem hình kèm theo / *See attached image.*
3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01
4. Ngày nhận mẫu / *Date of receipt* : 18/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 18/08/2026 - 08/09/2026
6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM**
   **314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
7. Kết quả thử nghiệm / *Testing result (s)* : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

**KT. GIÁM ĐỐC / *FOR DIRECTOR***

| **PHỤ TRÁCH PTN HÀNG TIÊU DÙNG** *HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB.* | **PHÓ GIÁM ĐỐC** *VICE DIRECTOR* |
|---|---|
| **Tiêu Trọng Minh Luân** | **Phan Thành Trung** |

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ★ ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA ★ TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
   *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
   *The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
   *This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
   *Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.*

Q326A102256
(HDTN26010044.02)

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
## TEST REPORT

11/09/2026



| STT *No.* | Tên chỉ tiêu *Characteristic* | Đơn vị tính *Unit* | Phương pháp thử *Test method* | Kết quả thử nghiệm *Test Result* | Giới hạn phát hiện *Limit of Detection* | Mức chất lượng *Quality Level* |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 7.1 | Định tính vật liệu bằng phương pháp phổ hồng ngoại (mặt tiếp xúc với thực phẩm) *Qualitative analysis of material by infrared spectroscopy method (contact with foodstuff)* | - | ASTM E 1252 – 98 (2021) | Polybutylene adipate terephthalate | - | - |
| 7.2 | Hàm lượng chì *Lead content* | µg/g | QCVN 12-1:2011/BYT | KPH | 5 | ≤ 100 |
| 7.3 | Hàm lượng cadimi *Cadmium content* | µg/g | QCVN 12-1:2011/BYT | KPH | 5 | ≤ 100 |
| 7.4 | Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C *Heavy metals (as lead) in 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C* | µg/mL | QCVN 12-1:2011/BYT | < 1 | - | ≤ 1 |
| 7.5 | Lượng $KMnO_4$ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C *KMnO4 consumption in water after 30 min at 60 °C* | µg/mL | QCVN 12-1:2011/BYT | KPH | 1 | ≤ 10 |

**Ghi chú / *Note*:**

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-1 : 2011/BYT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm" - Bảng 1 / *Results compared with quality levels: According to Technical specification of QCVN 12-1 : 2011/BYT "National technical regulation on safety and hygiene for synthetic resin implement, container and packaging in direct contact with foods" – Table 1*
- ASTM: American Society for Testing and Materials
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / *National Technical Regulation*
- KPH: Không phát hiện / *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu đo khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
*Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.*

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
**TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3**
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - Email: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1396 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A102256
(HDTN26010044.02)

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
## TEST REPORT

11/09/2026





1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
   *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
   *The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
   *This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
   *Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.*